

# 60 NĂM LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM (1945 - 2005): Sự hình thành và phát triển của hệ thống pháp luật thực định

Lê Cẩm\*

## I

Luật Hình sự Việt Nam trong 60 năm tồn tại và phát triển từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay đã trải qua một chặng đường lịch sử đáng kể - bắt đầu từ các sắc lệnh đầu tiên của chính quyền dân chủ nhân dân được ban hành vào giữa những năm 40, rồi qua lần pháp điển hoá lần thứ nhất với việc ban hành Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 1985 của thế kỷ trước và cho đến những giải thích thống nhất có tính chất chỉ đạo trong việc áp dụng BLHS năm 1999 được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) đưa ra trong những năm đầu của thế kỷ XXI này.

Tuy nhiên, cho đến nay trong khoa học luật hình sự Việt Nam vẫn chưa có một công trình nào đề cập việc nghiên cứu chuyên khảo một cách có hệ thống và toàn diện dưới góc độ lịch sử quá trình *hình thành và phát triển* trong 60 năm của cùng một lúc *ba nhóm vấn đề: hệ thống pháp luật hình sự (PLHS) thực định (1), các quy phạm Phần chung (2) và các quy phạm Phần riêng, tức Phần các tội phạm (3) của luật hình sự nước ta; trong khi đó ở giai đoạn phát triển đương đại của xã hội Việt Nam, thì việc nhìn lại chặng đường lịch sử 60 năm qua của pháp luật nói chung và của PLHS nói riêng để chỉ ra các giá trị đích thực của chúng rõ ràng là có ý nghĩa lý luận-thực tiễn rất lớn đối với sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền (NNPQ) và cải cách tư pháp ở nước ta.*

Chính vì vậy, theo quan điểm của chúng tôi, việc nghiên cứu một cách đồng bộ, toàn diện và có căn cứ lịch sử hình thành và phát triển của luật hình sự Việt Nam trong 60

năm qua (1945-2005) trước hết cần dựa trên phân tích khoa học *các đặc điểm cơ bản* của nhóm vấn đề *thứ nhất* đã nêu, đồng thời sự phân tích này cũng đòi hỏi phải được triển khai phù hợp với sự phân chia một cách khoa học *ba thời kỳ lịch sử của luật hình sự nước ta* sau Cách mạng theo hệ thống dưới đây (và từ sự phân chia đó, chúng ta sẽ xem xét cụ thể nội dung của vấn đề tương ứng với từng thời kỳ tại các phần dưới đây của bài viết này).

Việc xây dựng những cơ sở (nền tảng) đầu tiên của hệ thống PLHS thực định chưa pháp điển hoá ở nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa (DCCH) trong thời kỳ *thứ nhất* - 10 năm từ sau Cách mạng tháng Tám đến khi cấm hoàn toàn việc áp dụng các đạo luật hình sự cũ (1945-2005).

Sự phát triển của hệ thống PLHS thực định chưa pháp điển hoá trong thời kỳ *thứ hai* - 30 năm tiếp theo từ sau khi cấm hoàn toàn việc áp dụng các đạo luật hình sự cũ đến trước khi thông qua BLHS đầu tiên của nước Việt Nam thống nhất (1955-1985).

Và cuối cùng, sự phát triển tiếp tục của hệ thống PLHS thực định đã được pháp điển hoá trong thời kỳ *thứ ba* - 20 năm từ sau khi thông qua BLHS đầu tiên của nước Việt Nam thống nhất đến nay (1985-2005).

## II

Ba thời kỳ phát triển của Luật Hình sự nước ta

1. Việc xây dựng những cơ sở đầu tiên của hệ thống PLHS thực định chưa pháp điển hoá ở nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa (DCCH) trong thời kỳ *thứ nhất* - 10 năm từ sau Cách mạng tháng Tám đến khi cấm hoàn toàn việc áp dụng các đạo luật hình sự cũ (1945-1955) có *sáu đặc điểm cơ bản* dưới đây.

\* TSKH. PGS, Chủ nhiệm Khoa Luật trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội

Đặc điểm thứ *nhất*: xuất phát từ hoàn cảnh lịch sử cụ thể của đất nước trong điều kiện thời chiến nên việc xây dựng những nền tảng đầu tiên của hệ thống PLHS thực định mới trong thời kỳ này được triển khai theo hướng thứ nhất là: *hủy bỏ một bộ phận các đạo luật hình sự trước Cách mạng*.

Đặc điểm thứ *hai*: bên cạnh hướng thứ nhất là việc hủy bỏ một bộ phận các đạo luật hình sự cũ của chế độ thực dân-nửa phong kiến, việc xây dựng những cơ sở (nền tảng) đầu tiên của hệ thống PLHS mới trong thời kỳ này còn được chính quyền dân chủ nhân dân của nước Việt Nam DCCH triển khai theo hướng thứ hai là *tạm thời giữ nguyên hiệu lực của một số đạo luật hình sự trước Cách mạng để áp dụng trong những trường hợp hết sức hạn hữu với việc đưa vào đó nội dung giai cấp mới*, mà sau đây là một số minh chứng cụ thể:

1) Bằng Sắc lệnh số 47 ngày 10/10/1945 "*Về việc tạm thời áp dụng các đạo luật đã hiện hành đến trước khi ban hành các bộ luật thống nhất của cả nước*"<sup>1</sup> ba BLHS trước Cách mạng của Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ vẫn tiếp tục giữ nguyên hiệu lực pháp lý của chúng trên lãnh thổ tương ứng với ba miền của đất nước (các điều 8-10); đồng thời, tại Điều 12 Sắc lệnh số 47 này cũng đã ghi nhận một yêu cầu bắt buộc mang tính nguyên tắc như sau: các quy định của các đạo luật cũ được giữ lại bằng Sắc lệnh này chỉ được áp dụng khi nào không trái với nguyên tắc độc lập và chính thể của nước Việt Nam DCCH.

2) Căn cứ Thông tư số 20 ngày 19/8/1947 của Bộ Tư pháp "*Về việc vi phạm các quy tắc cảnh sát*"<sup>2</sup> các cơ quan tư pháp của nước Việt Nam DCCH đã có thể áp dụng các điều 86 và 323 BLHS Bắc kỳ hoặc các điều 401 và 418 BLHS Trung kỳ đối với các vi phạm hình sự nhỏ (vi cảnh).

Đặc điểm thứ *ba*: cùng với hai hướng đã nêu, hướng thứ ba trong việc xây dựng những cơ sở (nền tảng) đầu tiên của hệ thống PLHS thực định mới ở nước ta được triển khai mạnh hơn cả là ban hành mới cùng một lúc hai nhóm văn bản pháp luật - *các đạo luật hình sự để cập trực tiếp đến việc đấu tranh chống tội phạm* (1) và, *các văn bản pháp luật khác có tính chất luật hình sự* (2), tức các văn bản có chứa các quy phạm PLHS vì trong các chế tài của loại văn bản thứ hai này có quy định các biện pháp xử lý về hình sự đối với việc vi phạm các quy định tương ứng. Chính hai nhóm văn bản này là để bảo vệ bằng PLHS các quan hệ xã hội trong *ba lĩnh vực* dưới đây của nước Việt Nam DCCH.

1) Để bảo vệ bằng PLHS công cuộc xây dựng-tổ chức Nhà nước chúng ta đã ban hành hai nhóm văn bản pháp luật để cập riêng đến việc đấu tranh chống các tội phạm trong lĩnh vực này, mà cụ thể là:

a) Nhóm thứ *nhất* bao gồm các đạo luật hình sự - Sắc lệnh số 223 ngày 27/01/1946 "*Về truy tố các tội hối lộ, phù lam, biến thủ công quỹ*"<sup>3</sup>; Sắc lệnh số 163 ngày 14/4/1948 "*Về trừng trị tội đánh bạc*"<sup>4</sup>; Sắc lệnh số 106 ngày 15/6/1950 "*Về trừng trị các vi phạm nghĩa vụ quân sự*"<sup>5</sup>; Sắc lệnh số 128 ngày 17/7/1950 "*Về trừng trị những hành vi bóc lột, ăn cắp, thủ tiêu công văn hoặc thư từ*"<sup>6</sup>; Sắc lệnh số 154 ngày 17/11/1950 "*Về trừng trị tiết lộ bí mật của cơ quan hoặc công tác của Chính phủ*"<sup>7</sup>; Sắc lệnh số 133 ngày 20/11/1953 "*Về trừng trị những tội*

<sup>3</sup> Tập luật lệ về tư pháp (1945-1957). Bộ Tư pháp xuất bản. Hà Nội, 1958, tr.104.

<sup>4</sup> Công báo nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, 1948, số 4/11, tr.5.

<sup>5</sup> Công báo nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, 1950, số 8, tr.170.

<sup>6</sup> Công báo nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, 1950, số 6, tr.194.

<sup>7</sup> Công báo nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, 1950, số 13, tr.303.

<sup>1</sup> Công báo nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, 1945, số 4, tr.35.

<sup>2</sup> Xem cụ thể hơn: Tập các luật lệ về tư pháp (1945-1957). Hà Nội, 1958, tr.142-143.

phạm đến an toàn Nhà nước, đối nội và đối ngoại"<sup>8</sup>; v.v.

b) Nhóm thứ hai bao gồm rất nhiều văn bản có tính chất luật hình sự - Sắc lệnh số 6 ngày 5/9/1945 "Về việc cấm phục vụ trong Quân đội bù nhìn, bán thực phẩm cho bọn đế quốc Pháp và hợp tác với chúng"<sup>9</sup>; Sắc lệnh số 68 ngày 30/11/1945 "Về trưng thu, trưng dụng, trưng tập trong thời kỳ kháng chiến"<sup>10</sup>; Sắc lệnh số 13 ngày 24/01/1946 "Về tổ chức Tòa án và các ngạch thẩm phán"<sup>11</sup>; Sắc lệnh số 200 ngày 8/7/1948 "Về việc trưng tập công chức trong thời kỳ kháng chiến"<sup>12</sup>; Sắc lệnh số 93 ngày 22/5/1950 "Về nghĩa vụ kháng chiến"<sup>13</sup>; v.v.

2) Để bảo vệ bằng PLHS nhân thân, sở hữu, các quyền và tự do của con người và của công dân nước Việt Nam DCCCH, chúng ta đã ban hành: a) Hai đạo luật hình sự - Sắc lệnh số 40 ngày 29/3/1946 "Về đảm bảo tự do cá nhân" (các điều 18-22)<sup>14</sup>, Sắc lệnh số 27 ngày 23/02/1946 "Về trừng trị các tội bất cóc, tống tiền, ám sát"<sup>15</sup> và; b) Một Thông tư của Chính phủ số 442-TTg ngày 19/01/1955 "Về trừng trị các tội xâm phạm nhân thân"<sup>16</sup> (như: trộm, cướp, lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm, cố ý gây thương tích và giết người).

3) Để bảo vệ bằng PLHS công cuộc xây dựng kinh tế và văn hoá-xã hội của đất nước chúng ta đã ban hành hai nhóm văn bản pháp

luật để cập riêng việc đấu tranh chống các tội phạm trong lĩnh vực này, mà cụ thể là:

a) Nhóm thứ nhất bao gồm các đạo luật hình sự - Sắc lệnh số 26 ngày 25/01/1946 (được bổ sung bởi Sắc lệnh số 92 ngày 4/6/1946) "Về trừng trị các hành vi cố ý hủy hoại trộm cắp công sản"<sup>17</sup>; Sắc lệnh số 12 ngày 12/3/1949 "Về trừng trị tội trộm cắp tài sản của Quân đội"<sup>18</sup>; Sắc lệnh số 180 ngày 20/12/1950 "Về trừng trị các hành vi xâm phạm hệ thống tiền tệ"<sup>19</sup> và Sắc lệnh số 151 ngày 12/4/1953 "Về trừng trị các hành vi chống đối pháp luật của bọn địa chủ"<sup>20</sup>; v.v.

b) Nhóm thứ hai bao gồm rất nhiều văn bản có tính chất luật hình sự - Sắc lệnh số 7 ngày 5/9/1945 "Về việc cấm tích trữ lúa gạo nhằm mục đích đầu cơ"<sup>21</sup>; Sắc lệnh số 202 ngày 15/10/1946 "Về thể lệ buôn bán vàng bạc"<sup>22</sup>; Sắc lệnh số 61 ngày 5/4/1947 "Về việc cấm xuất cảng tư bản"<sup>23</sup>; Sắc lệnh số 257 ngày 19/11/1948 "Về việc cấm tích trữ hàng hoá thiết yếu cho đời sống của nhân dân nhằm mục đích đầu cơ"<sup>24</sup>; Sắc lệnh số 68 ngày 16/8/1949 "Về thể lệ bảo vệ các công trình thủy nông"<sup>25</sup>; Sắc lệnh số 163 ngày 17/11/1950 "Về hạn chế giết thịt trâu bò"<sup>26</sup>; v.v.

Đặc điểm thứ tư; những cơ sở đầu tiên của hệ thống PLHS thực định nước ta trong

<sup>17</sup> Công báo nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, 1946, số 10, tr.140.

<sup>18</sup> Công báo nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, 1949, số 3, tr.4.

<sup>19</sup> Công báo nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, 1950, số 6, tr.137.

<sup>20</sup> Công báo nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, 1953, số 4, tr.51.

<sup>21</sup> Công báo nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, 1945, số 1, tr.6.

<sup>22</sup> Công báo nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, 1945, số 43, tr.559.

<sup>23</sup> Công báo nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, 1947, số 9, tr.2.

<sup>24</sup> Công báo nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, 1948, số 1, tr.6.

<sup>25</sup> Công báo nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, 1949, số 6, tr.6.

<sup>26</sup> Công báo nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, 1950, số 13, tr.309.

<sup>8</sup> Công báo nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, 1953, số 3, tr.16.

<sup>9</sup> Công báo nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, 1945, số 1, tr.5.

<sup>10</sup> Công báo nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, 1945, số 13, tr.105.

<sup>11</sup> Công báo nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, 1948, số 7, tr.64.

<sup>12</sup> Công báo nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, 1948, số 4, tr.17.

<sup>13</sup> Công báo nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, 1950, số 6, tr.140.

<sup>14</sup> Công báo nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, 1946, số 10, tr.141.

<sup>15</sup> Công báo nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, 1946, số 13, tr.64.

<sup>16</sup> Công báo nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, 1955, số 13, tr.170.

thời kỳ thứ nhất (1945-1955) về cơ bản là được xây dựng từ các sắc lệnh của nước Việt Nam DCCCH với tư cách là nguồn *chủ yếu* của nó; ngoài ra, nhà làm luật cũng còn giữ lại một bộ phận các đạo luật hình sự cũ với tư cách là nguồn *bổ trợ*.

Đặc điểm thứ *năm*: trong hệ thống PLHS thực định Việt Nam thời kỳ 10 năm đang nghiên cứu vẫn còn một số yếu tố của PLHS Cộng hòa Pháp như là kết quả tất yếu của tính thừa kế trong pháp luật.

Và cuối cùng, đặc điểm thứ *sáu*: do hoàn cảnh và những điều kiện cụ thể của đất nước trong thời kỳ này nên hệ thống các văn bản PLHS thực định Việt Nam chưa có sự phân chia rõ ràng giữa các quy phạm Phần chung và Phần riêng, đồng thời có rất ít các văn bản liên quan đến các quy phạm Phần chung mà chủ yếu chỉ là các văn bản liên quan đến các quy phạm Phần riêng luật hình sự (khi đề cập đến việc đấu tranh chống các tội phạm cụ thể). Chẳng hạn, trong thời kỳ này bên cạnh rất nhiều các văn bản đề cập đến các quy định của Phần riêng, nhưng chỉ có một vài văn bản đề cập đến các quy định của Phần chung luật hình sự như: 1) Điều 10 Sắc lệnh số 21 ngày 14/02/1946 "Về tổ chức các Tòa án quân sự"<sup>27</sup> đề cập đến bản chất pháp lý của *án treo* như là một biện pháp hoãn chấp hành hình phạt tù có điều kiện; 2) Điều 5 Nghị định số 264-TTg ngày 11/5/1953 của Thủ tướng Chính phủ "Về việc quy định chi tiết thi hành các sắc lệnh số 149, 150 và 151 và 12/4/1953 liên quan đến chính sách cải cách ruộng đất"<sup>28</sup> - thời hạn tước các quyền công dân; 3) Sắc lệnh số 175 ngày 18/8/1953 "Về quân chế"<sup>29</sup> - bản chất pháp lý, căn cứ và những điều kiện áp dụng quân chế như là một biện pháp xử lý hình sự người phạm tội.

2. Sự phát triển của hệ thống PLHS thực định chưa pháp điển hoá trong thời

kỳ thứ *hai* - 30 năm tiếp theo từ sau khi cấm hoàn toàn việc áp dụng các đạo luật hình sự cũ đến trước khi thông qua BLHS đầu tiên của nước Việt Nam thống nhất (1955-1985) có sáu đặc điểm cơ bản dưới đây.

Đặc điểm thứ *nhất*: xuất phát từ hoàn cảnh lịch sử cụ thể của Việt Nam trong giai đoạn 20 năm từ sau khi cấm hoàn toàn việc áp dụng các đạo luật hình sự cũ đến trước khi thống nhất đất nước (1955-1975) nên sự phát triển của hệ thống PLHS thực định được triển khai theo hướng đầu tiên là: *hủy bỏ hoàn toàn các đạo luật hình sự trước Cách mạng* (đã được tạm thời giữ lại để áp dụng trong thời kỳ trước đây), mà cụ thể là Nhà nước Việt Nam DCCCH đã ban hành: 1) Thông tư số 19/VHH-HS ngày 30/6/1955 của Bộ Tư pháp "Về hướng dẫn áp dụng pháp luật"<sup>30</sup> và sau đó năm năm; 2) Chỉ thị số 772/TATC ngày 10/7/1959 "Về đình chỉ áp dụng pháp luật cũ của đế quốc và phong kiến"<sup>31</sup>.

Đặc điểm thứ *hai*: cùng với hướng thứ nhất đã nêu trên, hướng thứ *hai* trong việc phát triển của hệ thống PLHS thực định nước ta (như đã được triển khai trong thời kỳ trước đây) là tiếp tục ban hành mới cùng một lúc *hai nhóm* văn bản pháp luật - các đạo luật hình sự (1) và, các văn bản pháp luật khác có tính chất luật hình sự (2) để đấu tranh chống tội phạm, bảo vệ bằng PLHS các quan hệ xã hội tương ứng, mà cụ thể là:

1) Nhóm thứ *nhất* bao gồm các đạo luật hình sự - Sắc lệnh số 256 ngày 15/6/1956 "Về trừng trị những âm mưu và hành động phá hoại tài sản của Nhà nước, của hợp tác xã, của nhân dân và cản trở việc thực hiện chính sách, kế hoạch Nhà nước"<sup>32</sup>; Pháp lệnh ngày 30/7/1967 "Về trừng trị các tội phạm

<sup>27</sup> Công báo nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, 1946, số 9, tr.15.

<sup>28</sup> Công báo nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, 1953, số 5, tr.67.

<sup>29</sup> Công báo nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa, 1953, số 8, tr.100.

<sup>30</sup> Tập các luật lệ về tư pháp ... (Sách đã dẫn), tr. 190

<sup>31</sup> Tập hệ thống hoá luật lệ về hình sự. Tập I (1945-1974), TANDTC xuất bản, Hà Nội, 1975, tr.5.

<sup>32</sup> Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, 1956, số 17, tr.165.

Cách mạng"<sup>33</sup>; hai Pháp lệnh ngày 21/10/1970: "Về trừng trị các tội xâm phạm tài sản chủ nghĩa"<sup>34</sup> và, "Về trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân"<sup>35</sup>; Pháp lệnh ngày 20/5/1981 "Về trừng trị tội hối lộ"<sup>36</sup>; Pháp lệnh ngày 30/6/1982 "Về trừng trị các tội dẫu cơ, làm hàng giả và kinh doanh trái phép"<sup>37</sup>; v.v.

2) Nhóm thứ hai bao gồm nhiều văn bản có tính chất luật hình sự - ba Luật ngày 24/01/1957: a) "Về tự do lập hội"<sup>38</sup>; b) "Về tự do hội họp"<sup>39</sup> và, c) "Về đảm bảo tự do thân thể và quyền bất khả xâm phạm về nhà ở, đồ vật thư tín của nhân dân"<sup>40</sup>; Sắc lệnh số 282 ngày 14/12/1956 "Về chế độ báo chí"<sup>41</sup>; Sắc lệnh số 003 ngày 18/6/1957 "Về chế độ tự do xuất bản"<sup>42</sup>; Pháp lệnh ngày 13/10/1966 "Về cấm nấu rượu trái phép"<sup>43</sup>; Pháp lệnh ngày 6/9/1972 "Về bảo vệ rừng"<sup>44</sup>; Pháp lệnh ngày 27/11/1981 "Về việc xem xét và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân"<sup>45</sup>; Luật ngày 30/12/1981 "Về nghĩa vụ quân sự"<sup>46</sup>; v.v.

Đặc điểm thứ ba: cùng với hai hướng đã nêu trên, một hướng mới và là thứ ba trong việc phát triển của hệ thống PLHS thực định nước ta thời kỳ đang nghiên cứu là: trên cơ sở tổng kết thực tiễn xét xử đưa ra những giải thích thống nhất có tính chất chỉ đạo dưới dạng các văn bản riêng biệt của TANDTC hoặc các văn bản liên quan ngành của TANDTC với các cơ quan bảo vệ pháp luật ở TW (Viện KSNDTC, Bộ Công an và Bộ Tư pháp) để hướng dẫn việc áp dụng PLHS và đường lối xử lý về hình sự thống nhất trên lãnh thổ cả nước.

Đặc điểm thứ tư: chính bằng hướng thứ ba, thực tiễn xét xử của nước ta đã góp phần giải quyết, phát triển và làm sáng tỏ nhiều vấn đề và chế định luật hình sự (cả về Phần chung và Phần riêng) chưa được ghi nhận về mặt lập pháp trong hệ thống PLHS thực định đã hiện hành trước khi thông qua BLHS đầu tiên của nước Việt Nam thống nhất. Điều này cho phép khẳng định rằng, trong toàn bộ thời kỳ trước khi pháp điển hoá lần thứ nhất luật hình sự Việt Nam (1945-1985), thực tiễn xét xử mà cụ thể là những giải thích thống nhất có tính chất chỉ đạo của TANDTC về áp dụng thống nhất PLHS đã thể hiện bản chất pháp lý như là một trong các nguồn của luật hình sự và đóng vai trò rất quan trọng trong việc sáng tạo PLHS của đất nước. Có thể đưa ra các minh chứng sau:

1) Những giải thích thống nhất có tính chất chỉ đạo của TANDTC về áp dụng PLHS có liên quan đến các quy phạm và chế định của Phần chung luật hình sự Việt Nam trước pháp điển hoá lần thứ nhất đã được đề cập trong một loạt các văn bản thời kỳ này. Chẳng hạn như: a) Các dạng của lỗi cố ý và các giai đoạn thực hiện tội phạm - trong Bản chuyên đề tổng kết "Về thực tiễn xét xử loại tội giết người" (Kèm theo Công văn số 452/HS-2 ngày 10/8/1970 của TANDTC)<sup>47</sup>; b) Các dạng của lỗi vô ý - trong Bản tổng kết số 10/NCPL ngày 08/01/1968 của TANDTC

<sup>33</sup> Tập hệ thống hoá luật lệ về hình sự. Tập I (1945 - 1974). TANDTC xuất bản, Hà Nội, 1975, tr.193

<sup>34</sup> Tập hệ thống hoá luật lệ về hình sự. Tập I.. (Sách đã dẫn), tr.203.

<sup>35</sup> Tập hệ thống hoá luật lệ về hình sự. Tập I... (Sách đã dẫn), tr.453

<sup>36</sup> Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, 1981, số 9, tr.166.

<sup>37</sup> Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, 1982, số 14, tr.258.

<sup>38</sup> Tập hệ thống hoá luật lệ về hình sự. Tập I... (Sách đã dẫn), tr.428.

<sup>39</sup> Tập hệ thống hoá luật lệ về hình sự. Tập I... (Sách đã dẫn), tr.429.

<sup>40</sup> Tập hệ thống hoá luật lệ về hình sự. Tập I... (Sách đã dẫn), tr.435.

<sup>41</sup> Tập hệ thống hoá luật lệ về hình sự. Tập I... (Sách đã dẫn), tr.419.

<sup>42</sup> Tập hệ thống hoá luật lệ về hình sự. Tập I... (Sách đã dẫn), tr.424.

<sup>43</sup> Tập hệ thống hoá luật lệ về hình sự. Tập I... (Sách đã dẫn), tr.288.

<sup>44</sup> Tập hệ thống hoá luật lệ về hình sự. Tập I... (Sách đã dẫn), tr.4252

<sup>45</sup> Báo Nhân dân, ngày 2/12/1981.

<sup>46</sup> Báo Nhân dân, ngày 17/1/1982.

<sup>47</sup> Xem: Hệ thống hoá luật lệ về hình sự. Tập I... (Sách đã dẫn), tr.326 - 356

"Về hướng dẫn đường lối xử lý tội thiếu tinh thần trách nhiệm, vi phạm quy tắc an toàn lao động, gây thiệt hại nghiêm trọng"<sup>48</sup> và trong Dự thảo Thông tư liên ngành ngày 16/3/1973 của TANDTC, VKSNDTC, Bộ Công an hướng dẫn "Về nhận thức thống nhất về hai Pháp lệnh"<sup>49</sup>; c) Chế định phòng vệ chính đáng - trong Chỉ thị số 07/HS-2 ngày 22/12/1983 của TANDTC "Về thực tiễn xét xử các tội xâm phạm tính mạng hoặc sức khoẻ công dân do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng hoặc trong khi thi hành công vụ"<sup>50</sup>; d) Vấn đề tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự (TNHS) - trong Lời tổng kết của Chánh án TANDTC tại Hội nghị tổng kết công tác của TANDTC năm 1974<sup>51</sup>; e) Một loạt các vấn đề như: chế định nhiều (đa) tội phạm, chế định tự nguyện nữa chừng chấm dứt tội phạm, danh mục mẫu các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ - trong Bản tổng kết thực tiễn vận dụng các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ (Kèm theo Công văn số 38/NCPL ngày 16/01/1976 của TANDTC)<sup>52</sup>; e) Các chế định như: miễn TNHS hoặc miễn hình phạt - trong Báo cáo tổng kết công tác của ngành Tòa án năm 1972<sup>53</sup>; v.v.

2) Những giải thích thống nhất có tính chất chỉ đạo của TANDTC về áp dụng PLHS có liên quan đến các quy định của Phần các tội phạm luật hình sự Việt Nam trước pháp điển hoá lần thứ nhất đã được đề cập trong một loạt các văn bản thời kỳ này hướng dẫn đường lối xử lý đối với một số loại tội phạm cụ thể như: a) Tội bắt cóc trẻ em<sup>54</sup>; b) Các tội

xâm phạm chế độ hôn nhân gia đình<sup>55</sup>; c) Các tội phạm về tình dục<sup>56</sup>; v.v.

3) Trên cơ sở giải thích, cụ thể hoá và áp dụng nhiều lần PLHS trong thực tiễn xét xử, những giải thích thống nhất có chất chỉ đạo của TANDTC về áp dụng PLHS thời kỳ đang nghiên cứu ở các mức độ khác nhau đã góp phần xây dựng nên nhiều quy phạm và chế định mới của PLHS nước ta mà sau này chính dựa trên cơ sở các luận điểm của thực tiễn xét xử các chế định này đã được nhà làm luật chính thức ghi nhận bằng các quy phạm tương ứng trong BLHS Việt Nam. Chẳng hạn như:

a) Bằng các luận điểm tại Chỉ thị số 07/HS-2 ngày 22/12/1983 của TANDTC<sup>57</sup> được ban hành trên cơ sở Điều 13 "Phòng vệ chính đáng" của Dự thảo Phần chung BLHS năm 1985 (đã được Quốc hội Việt Nam thông qua sơ bộ ngày 30/6/1983), thực tiễn xét xử của đất nước lần đầu tiên đã góp phần đưa ra các quy phạm của chế định phòng vệ chính đáng;

b) Bằng các luận điểm trong "Kết luận của Chánh án TANDTC tại Hội nghị tổng kết về công tác của TANDTC năm 1974"<sup>58</sup>, thực tiễn xét xử của đất nước đã góp phần ở một chừng mực nhất định xây dựng các quy phạm của chế định tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự.

c) Bằng các luận điểm tại "Báo cáo tổng kết về công tác của TANDTC năm 1972"<sup>59</sup>, thực tiễn xét xử của đất nước đã góp phần ở một chừng mực nhất định xây dựng các quy phạm của chế định tình thế cấp thiết và chế định sự kiện bất ngờ - như là hai trường hợp loại trừ "lỗi", còn sự chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và tính chất nhỏ nhất của

<sup>48</sup> Xem: Hệ thống hoá luật lệ về hình sự. Tập I... (Sách đã dẫn), tr.381-388.

<sup>49</sup> Xem: Hệ thống hoá luật lệ về hình sự. Tập I (1945-1974)... Sách đã dẫn, tr.216-243.

<sup>50</sup> Xem: Tập san Tòa án, số 1/1984, tr.8-15

<sup>51</sup> Xem: Hệ thống hoá luật lệ về hình sự. Tập II (1975-1978). TANDTC xuất bản. Hà Nội, 1979, tr.63-64.

<sup>52</sup> Xem: Hệ thống hoá luật lệ về hình sự. Tập II... (Sách đã dẫn), tr.103-119.

<sup>53</sup> Xem: Hệ thống hoá luật lệ về hình sự. Tập I... (Sách đã dẫn), tr.102-104.

<sup>54</sup> Xem: Hệ thống hoá luật lệ về hình sự. Tập I... (Sách đã dẫn), tr.389-475.

<sup>55</sup> Xem: giống chú thích 54

<sup>56</sup> Xem: giống chú thích 54

<sup>57</sup> Xem: Các văn bản về hình sự, dân sự và tố tụng. TANDTC xuất bản. Hà Nội, 1990, tr.5-9

<sup>58</sup> Xem: Hệ thống hoá luật lệ về hình sự. Tập I... (Sách đã dẫn), tr.63 - 64.

<sup>59</sup> Xem: Hệ thống hoá luật lệ về hình sự. Tập I... (Sách đã dẫn), tr.102 - 104.

*hành vi* - như là hai trường hợp loại trừ "trách nhiệm hình sự"; v.v.

Đặc điểm thứ năm: cùng với ba hướng nêu trên, một hướng mới và là hướng thứ tư trong việc phát triển của hệ thống PLHS thực định nước ta thời kỳ đang nghiên cứu là *bắt đầu triển khai các công việc để pháp điển hoá luật hình sự Việt Nam*, mà cụ thể là: 1) Thành lập Ban soạn thảo BLHS đầu tiên của nước Việt Nam thống nhất do Chánh án TANDTC làm Trưởng ban; 2) Quốc hội thông qua *sơ bộ* theo trình tự từng giai đoạn cách nhau một năm tương ứng với hai Phần của BLHS - *Phần chung* được thông qua vào ngày 30/6/1983 và sau một năm, *Phần các tội phạm* (Phần riêng) được thông qua vào ngày 30/6/1984; 3) Cuối cùng, Quốc hội thông qua *chính thức* toàn văn BLHS vào ngày 27/6/1985 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/1986.

Và cuối cùng, đặc điểm thứ sáu: cũng như trong thời kỳ trước đây (1945 -1955) do chưa được pháp điển hoá nên hệ thống các văn bản PLHS thực định Việt Nam thời kỳ này (1955-1985) cũng chưa có sự phân chia rõ ràng giữa các quy phạm Phần chung và Phần riêng vì có rất ít các văn bản liên quan đến các quy phạm Phần chung mà chủ yếu chỉ là các văn bản liên quan đến quy phạm Phần riêng luật hình sự (khi đề cập đến việc đấu tranh chống các tội phạm cụ thể).

3. Sự phát triển tiếp tục của hệ thống PLHS thực định đã được pháp điển hoá trong thời kỳ thứ ba - 20 năm từ sau khi thông qua BLHS đầu tiên của nước Việt Nam thống nhất đến nay (1985-2005) có ba đặc điểm cơ bản dưới đây.

Đặc điểm thứ nhất: bên cạnh việc áp dụng các quy định của BLHS năm 1985 đã được thông qua như là nguồn trực tiếp duy nhất của PLHS Việt Nam sau pháp điển hóa (có cơ cấu với sự phân chia rõ ràng giữa các quy định của Phần chung và Phần riêng gồm 12 chương được chia thành 280 điều), để kịp thời điều chỉnh về mặt pháp lý hình sự các quan hệ xã hội đang tồn tại và đáp ứng yêu

cầu của cuộc đấu tranh chống tội phạm, Nhà nước ta đã ban hành bốn đạo luật hình sự để sửa đổi, bổ sung các quy định của BLHS năm 1985 vào các năm 1985 (liên quan đến 27 điều), 1991 (liên quan đến 26 điều), 1992 (liên quan đến 17 điều) và 1997 (bổ sung thêm 31 điều hoàn toàn mới).

Đặc điểm thứ hai: tiến hành soạn thảo và thông qua BLHS năm 1999 tại kỳ họp thứ sáu Quốc hội khoá X (18/11-21/12/1999); việc nghiên cứu các quy định Bộ luật này cho phép chỉ ra các điểm mới cơ bản dưới đây trong hệ thống PLHS thực định Việt Nam hiện hành và lần đầu tiên được thể hiện qua lần pháp điển hoá thứ hai.

1) Về hệ thống của BLHS. So với BLHS năm 1985, thì hệ thống của BLHS năm 1999 có tất cả 24 chương - 10 chương trong Phần chung với 77 điều (tăng lên 6 điều), 14 chương trong Phần các tội phạm với 267 điều (tăng 27 điều), tổng cộng là 344 điều và có một số điểm chủ yếu như sau:

a) Phần chung BLHS năm 1998 bao gồm bốn chương mới - các chương IV "Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự", VII "Quyết định hình phạt phạt", VIII "Thời hiệu thi hành bản án, miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt" và, IX "Xóa án tích" (trên cơ sở tách Chương IV của Phần chung BLHS năm 1985); riêng Chương VIII cũ "Những quy định đối với quân nhân phạm tội" của BLHS năm 1985 đã được loại bỏ.

b) Phần các tội phạm BLHS năm 1999 bao gồm bốn chương mới - các chương: XIV "Các tội xâm phạm sở hữu" (trên cơ sở ghép hai chương IV và VI của Phần các tội phạm BLHS năm 1985), XIX "Các tội xâm phạm an toàn công cộng và trật tự công cộng", XX "Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính" (trên cơ sở tách Chương VIII cũ trong Phần các tội phạm BLHS năm 1985) và, XVII "Các tội phạm về môi trường" (mới hoàn toàn). Ngoài ra, toàn bộ các tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia trước đây được quy tại Mục B Chương I Phần các tội phạm

BLHS năm 1985, thì với lần pháp điển hoá này chúng đã được chuyển sang các chương tương ứng khác của BLHS năm 1999.

2) Về đạo luật hình sự. Lần đầu tiên trong BLHS năm 1999 nhà làm luật Việt Nam đã:

a) Cụ thể hoá nguyên tắc hiến định về sự bình đẳng của công dân trước pháp luật (Điều 52 Hiến pháp Việt Nam năm 1992) bằng việc ghi nhận nguyên tắc bình đẳng trước luật hình sự: "*Mọi người phạm tội đều bình đẳng trước pháp luật, không phân biệt nam, nữ, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo, thành phần, địa vị xã hội*" (đoạn 1 khoản 2 Điều 3).

b) Loại trừ quy phạm của luật hình thức (luật TTHS) xác định thẩm quyền quyết định hình phạt là của Tòa án (đoạn 2 Điều 2 "*Cơ sở của trách nhiệm hình sự*") và quy định có tính chất tùy tiện "*trừ trường hợp luật quy định khác*" trong quy phạm về hiệu lực của điều luật làm xấu đi tình trạng của người phạm tội (khoản 2 Điều 7) mà trước đây đã tồn tại trong các quy phạm tương ứng của BLHS năm 1985.

c) Sửa đổi lại *chế định về hiệu lực của đạo luật hình sự* tại Điều 7 bằng việc cụ thể hơn các quy phạm liên quan đến *hiệu lực hồi tố* của đạo luật hình sự trong các trường hợp *không có lợi* (khoản 2) và *có lợi* (khoản 3) cho người phạm tội.

3) Về tội phạm. Lần đầu tiên trong BLHS năm 1999 hiện hành nhà làm luật Việt Nam đã:

a) Khẳng định rõ *các mức độ* gây nguy hại khác nhau của tội phạm - "*không lớn*", "*lớn*", "*rất lớn*", và "*đặc biệt lớn*" tương ứng với bốn loại tội phạm được phân chia - "*ít nghiêm trọng*", "*ng nghiêm trọng*", "*rất nghiêm trọng*", và "*đặc biệt nghiêm trọng*" trong chế định phân loại tội phạm tại Điều 8 nhằm góp phần cho việc phân hoá và cá thể hoá hơn nữa TNHS của người phạm tội (mà vấn đề này được thể hiện trong một loạt các điều khác của BLHS năm 1999 như Điều 17, 18, 29, 31, 34, 35, 40, 49, 57, 58, 61 và Điều 69).

b) Bổ sung quy định về việc người phạm tội do dùng *chất kích thích mạnh khác* vẫn phải chịu TNHS bằng việc vẫn phải chịu TNHS do dùng rượu đã được quy định tại khoản 3 Điều 12 BLHS năm 1985, và đồng thời tách quy định này thành *một điều luật riêng biệt* (Điều 14); mặt khác, đối với chế định về các giai đoạn thực hiện tội phạm được quy định tại cùng một Điều 15 BLHS năm 1985 trước đây - về TNHS đối với việc *chuẩn bị phạm tội* (khoản 1) và về TNHS đối với việc *phạm tội chưa đạt* (khoản 2), thì được tách thành *hai điều luật tương ứng riêng biệt* (Điều 17 và Điều 18).

c) Ở một chừng mực nhất định ghi nhận việc *phi hình sự hoá đối với hành vi không tố giác tội phạm* do những người ruột thịt và thân thích gần thực hiện, trừ các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc các tội đặc biệt nghiêm trọng (Điều 22).

4) Về hình phạt và quyết định hình phạt. Lần đầu tiên trong BLHS năm 1999 nhà làm luật Việt Nam đã:

a) Ghi nhận bằng một quy định riêng biệt định nghĩa pháp lý của khái niệm hình phạt "*là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích hợp pháp của người phạm tội*" (đoạn 1 Điều 26).

b) Cụ thể hoá hơn tại Điều 30 "*Phạt tiền*" một số tội phạm trong các trường hợp hình phạt này được áp dụng với tính chất là *hình phạt chính* (khoản 1) hoặc với tính chất là *hình phạt bổ sung* (khoản 2).

c) Bổ sung một hình phạt mới "*trục xuất*" với tính chất là *hình phạt chính* hoặc là *hình phạt bổ sung* (khi không áp dụng là hình phạt chính) được áp dụng đối với *người bị kết án là người nước ngoài* (Điều 32).

d) Bổ sung việc trừ thời gian *tạm giữ* vào thời hạn chấp hành hình phạt (CHHP) tù và cụ thể hoá hơn *mức trừ này* là: một ngày tạm giữ, tạm giam bằng một ngày tù (đoạn 2 Điều 33).



d) Cụ thể hoá hơn nguyên tắc nhân đạo bằng việc tăng *độ tuổi tối đa của con nhỏ* từ 12 tháng lên 36 tháng trong trường hợp hình phạt tử hình được áp dụng hoặc được thi hành đối với người bị kết án là *phụ nữ đang nuôi con nhỏ* (các khoản 2 - 3 Điều 35).

e) Thể hiện rõ hơn xu hướng dân chủ hoá xã hội Việt Nam trong giai đoạn xây dựng NNQP - loại trừ sự can thiệp bằng PLHS của Nhà nước vào tất cả các lĩnh vực của đời sống công dân (điều chỉ có trong các Nhà nước cực quyền và độc tài) khi đưa ra khỏi danh mục các quyền bị tước "*quyền đảm nhận cương vị phụ trách trong các tổ chức xã hội*" đối với hình phạt tước một quyền công dân (khoản 1 Điều 39).

f) Thay thuật ngữ "*Nguyên tắc*" quyết định hình phạt (QĐHP) trong tên gọi của Điều 37 BLHS năm 1985 trước đây bằng thuật ngữ "*Căn cứ*" QĐHP, cũng như liên từ "*hoặc*" nối giữa hai từ nhóm từ "*giảm nhẹ*", "*tăng nặng*" bằng liên từ "*và*" trong nội dung của Điều luật này để đảm bảo tính chính xác về mặt khoa học của chế định QĐHP (Điều 45).

g) Loại trừ khỏi danh mục "*Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*" tại khoản 1 Điều 46 tình tiết "*Phạm tội do trình độ nghiệp vụ non kém*" (đã được quy định trong BLHS năm 1985 trước đây tại điểm "g" khoản 1 Điều 38); đồng thời bổ sung vào danh mục này hai tình tiết giảm nhẹ mới "*Người phạm tội đã lập công chuộc tội*" và "*Người phạm tội là người đã có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập hoặc công tác*" (điểm "r" và điểm "s" khoản 1 Điều 46).

h) Bên cạnh việc ghi nhận yêu cầu có tính chất bắt buộc đối với Tòa án để không được coi là tình tiết giảm nhẹ lần thứ hai bất kỳ tình tiết giảm nhẹ nào đã được BLHS quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt (khoản 3 Điều 46).

i) Sửa đổi quy định về việc QĐHP nhẹ hơn luật định tại khoản 3 Điều 38 BLHS năm 1985 thành một điều luật riêng biệt của

BLHS năm 1999 (Điều 47) và cụ thể hoá hơn nội dung của điều luật này bằng cách quy định rõ: *điều kiện để QĐHP nhẹ hơn luật định - khi có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ do luật định* tại khoản 1 Điều 46 BLHS; khi điều luật có nhiều khung hình phạt - *Toà án chỉ được áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất mà điều luật đã quy định nhưng phải trong khung liên kế nhẹ hơn*; khi điều luật chỉ có một khung hình phạt hoặc đó là khung hình phạt nhẹ nhất so với các khung hình phạt khác trong cùng điều luật - *Toà án có thể tuý nghi (lựa chọn) hoặc là áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất, hoặc là chuyển sang một hình phạt khác thuộc loại nhẹ hơn*.

j) Đưa vào danh mục "*Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*" trong BLHS năm 1999 hai tình tiết tăng nặng mới "*Phạm tội gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng*" (điểm "k" khoản 1 Điều 48);

k) Sửa đổi quy định tại Điều 43 BLHS năm 1985 "*Tổng hợp hình phạt khác loại*" thành hai quy phạm riêng biệt và rõ ràng tại Điều 50 BLHS năm 1999 "*Quyết định hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội*" để cập: *tổng hợp hình phạt chính* mà trong đó tăng lên 30 năm đối với hình phạt tù có thời hạn (khoản 1) và; *tổng hợp hình phạt bổ sung* (khoản 2).

l) Sửa đổi quy phạm về việc QĐHP đối với hoạt động phạm tội sơ bộ (khoản 3 Điều 15 BLHS năm 1985) thành một điều luật riêng biệt của BLHS năm 1999 (Điều 52) với ba quy phạm tương ứng với ba khoản để cập cụ thể đến: *Nguyên tắc chung* của việc quyết định hình phạt đối với *hoạt động phạm tội sơ bộ* (khoản 1); *Nguyên tắc riêng* của việc QĐHP đối với giai đoạn *chuẩn bị phạm tội* (khoản 2); và *Nguyên tắc riêng* của việc QĐHP đối với giai đoạn *phạm tội chưa đạt* (khoản 3).

5) Về các biện pháp tha miễn. Lần đầu tiên trong BLHS năm 1999 nhà làm luật Việt Nam đã:

a) Thu hẹp phạm vi trấn áp về hình sự bằng việc loại trừ khỏi BLHS mới (Điều 23) khả năng có truy cứu TNHS khi thời hiệu 15 năm đã qua (được quy định trong BLHS năm 1985 trước đây tại khoản 3 Điều 45), nhưng đồng thời so với BLHS năm 1985 thì mở rộng hơn xu hướng trấn áp về hình sự - quy định việc không áp dụng chế định thời hiệu truy cứu TNHS (Điều 24) và chế định thời hiệu thi hành bản án kết tội (Điều 56) đối với cả các tội phạm khác nữa - tất cả 14 tội phạm an ninh quốc gia trong Chương XI (các điều 78-91).

b) Sửa đổi tính chất không bắt buộc (đối với các cơ quan tư pháp hình sự) của dạng miễn TNHS do sự thay đổi của tình hình (mà trước đây được quy định tại khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1985) thành bắt buộc tại Điều 25 BLHS năm 1999 (khoản 1), đồng thời bổ sung vào Điều luật này một dạng miễn TNHS mới - khi có quyết định đại xá (khoản 3).

c) Sửa đổi quy phạm về chế định miễn hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 48 BLHS năm 1985 trước đây thành một điều luật riêng biệt (Điều 54); bổ sung vào chế định miễn CHHP tại Điều 57 hai dạng mới - khi có quyết định đặc xá hoặc đại xá (khoản 2).

d) Sửa đổi chế định giảm thời hạn CHHP (mà trước đây việc giảm thời hạn CHHP chính và hình phạt bổ sung được BLHS năm 1985 đề cập bằng hai điều luật riêng biệt - các điều 50-51) thành chế định giảm mức hình phạt đã tuyên và quy định gộp hai điều luật riêng biệt đó thành một điều luật (Điều 58).

đ) Sửa đổi đối tượng và bổ sung các căn cứ và những điều kiện áp dụng chế định hoãn chấp hành hình phạt tù tại Điều 69 BLHS năm 1985), đồng thời bổ sung thêm một chế định mới - tạm đình chỉ CHHP tù (Điều 62).

e) Loại trừ quy phạm đề cập đến việc đương nhiên được xoá án tích đối với người được hưởng án treo mà trước đây nhà làm luật đã ghi nhận tại khoản 2 Điều 53 BLHS năm 1985 và mở rộng hơn các căn cứ của

việc đương nhiên được xoá án tích (khoản 2 Điều 64 BLHS năm 1999).

6) Về một số vấn đề của Phần các tội phạm (Phần riêng) luật hình sự. Lần đầu tiên trong BLHS năm 1999 nhà làm luật Việt Nam đã:

a) Quy định trực tiếp hình phạt bổ sung tại các khoản cuối cùng của 177 điều - đại đa số các điều tương ứng với mỗi tội phạm cụ thể khi xây dựng các cấu thành tội phạm (CTTP), trừ các tội phạm trong ba chương - XI, XXIII, XXIV và một số điều trong các chương khác, chứ không quy định tại các điều cuối cùng của mỗi chương như trong BLHS năm 1985 trước đây.

b) Xây dựng một Chương mới hoàn toàn mà trong đó tội phạm hóa một loạt các hành vi xâm hại môi trường - Chương XVII "Các tội phạm về môi trường" (các điều từ 182-191) với 25 CTTP, mà cụ thể là: 10 CTTP cơ bản, 10 CTTP tăng nặng và 5 CTTP đặc biệt tăng nặng.

c) Phi tội phạm hóa đối với một số hành vi mà trước đây BLHS năm 1985 quy định là tội phạm như: các tội chống Nhà nước XHCN (Điều 86), phá hủy tiền tệ (Điều 98), lạm sát gia súc (Điều 184), sản xuất hoặc buôn bán rượu, thuốc lá trái phép (Điều 183), v.v.

d) Loại bỏ hình phạt tử hình ra khỏi 13 cấu thành tội phạm trên tổng số 40 cấu thành tội phạm mà trước đây BLHS năm 1985 có quy định hình phạt này; v.v.

Và cuối cùng, đặc điểm thứ ba - trong thời kỳ này mặc dù luật hình sự Việt Nam đã được pháp điển hóa, với nguyên tắc pháp chế "Nullum crimen sine lege" nên tuy không còn là nguồn trực tiếp của luật hình sự và cũng không thực hiện chức năng sáng tạo PLHS nữa, nhưng bằng việc tiếp tục đưa ra những giải thích thống nhất có tính chất chỉ đạo dưới dạng các văn bản riêng biệt của TANDTC hoặc các văn bản liên ngành của TANDTC với các cơ quan bảo vệ pháp luật ở TW (Viện KSNĐTC, Bộ Công an và Bộ Tư

pháp) để hướng dẫn việc áp dụng thống nhất BLHS năm 1985 và sau đó, BLHS năm 1999, thực tiễn xét xử vẫn đang góp phần quan trọng trong việc phát triển và hoàn thiện hệ thống PLHS thực định của đất nước. Chẳng hạn như:

1) Bằng các luận điểm tại Thông tư liên ngành số 04/TTLN ngày 02/11/1985 của TANDTC, VKSNDTC và Bộ Tư pháp "Về hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự"<sup>60</sup> lần đầu tiên thực tiễn xét xử đã đưa ra những giải thích thống nhất có tính chất chỉ đạo trong việc áp dụng các quy phạm PLHS của chế định về đạo luật hình sự.

2) Bằng các luận điểm tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 05/01/1986 của Hội đồng thẩm phán TANDTC "Về hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự"<sup>61</sup> lần đầu tiên thực tiễn xét xử đã đưa ra những giải thích thống nhất có tính chất chỉ đạo trong việc áp dụng một loạt các quy phạm và chế định quan trọng của Phần chung BLHS năm 1985 như: a) Hiệu lực của BLHS; b) Chế định phòng vệ chính đáng; c) Chế định tự ý nửa chừng chấm dứt tội phạm; d) Chế định án treo; e) Chế định miễn TNHS và nhiều vấn đề khác; v.v.

3) Bằng các luận điểm tại Nghị quyết số 04/HĐTP ngày 29/11/1986 của Hội đồng thẩm phán TANDTC "Về hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần các tội phạm Bộ luật Hình sự"<sup>62</sup> lần đầu tiên thực tiễn xét xử đã đưa ra những giải thích thống nhất có tính chất chỉ đạo trong việc áp dụng một loạt những vấn đề liên quan đến các nhóm tội phạm cụ thể trong BLHS năm 1985 như: a) Các tội xâm phạm an ninh quốc gia; b) Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm và danh dự của con người; c) Các tội

xâm phạm những quyền tự do dân chủ của công dân; d) Các tội phạm về kinh tế và nhiều nhóm tội phạm khác, v.v.

4) Ngay trong năm 2001 những Giải thích thống nhất có tính chất chỉ đạo về áp dụng PLHS đối với hai nhóm tội phạm cụ thể trong BLHS năm 1999 - các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình (1) và các tội xâm phạm sở hữu (2) đã được thực tiễn xét xử giải quyết bằng các luận điểm tại hai Thông tư liên tịch tương ứng - số 01 ngày 25/9/2001 của TANDTC, VKSNDTC, Bộ Tư pháp và Bộ Công an "Về việc hướng dẫn áp dụng các quy định tại Chương XV của BLHS năm 1999"<sup>63</sup> và số 02 ngày 25/12/2001 của TANDTC, VKSNDTC, Bộ Tư pháp và Bộ Công an "Về việc hướng dẫn áp dụng các quy định tại Chương XVI của BLHS năm 1999"<sup>64</sup>.

5) Những giải thích thống nhất có tính chất chỉ đạo về áp dụng PLHS liên quan đến các phạm trù và các tình tiết có tính chất đánh giá (như: "gây thiệt hại nghiêm trọng", "gây thiệt hại rất nghiêm trọng", "gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng", "có giá trị lớn", "có giá trị rất lớn hoặc đặc biệt lớn", v.v. được quy định trong một số CTT) đã được thực tiễn xét xử giải quyết bằng các luận điểm tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng thẩm phán TANDTC "Về hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự"<sup>65</sup>.

<sup>60</sup> Các văn bản về hình sự, dân sự và tố tụng. TANDTC xuất bản. Hà Nội, 1990, tr.5-9.

<sup>61</sup> Hệ thống hoá luật lệ về hình sự. Tập I... (Sách đã dẫn), tr.63 - 64.

<sup>62</sup> Xem: Các văn bản về hình sự, dân sự và tố tụng...(Sách đã dẫn). Hà Nội, 1990, tr.24-53.

<sup>63</sup> Xem: Các văn bản về hình sự, dân sự, kinh tế, hành chính và tố tụng. TANDTC xuất bản. Hà Nội, 2003, tr.6-13.

<sup>64</sup> Xem: Các văn bản về hình sự, dân sự, kinh tế... (Sách đã dẫn). Hà Nội, 2003, tr.19-30.

<sup>65</sup> Xem: Các văn bản về hình sự, dân sự, kinh tế...(Sách đã dẫn). Hà Nội, 2003, tr.42-51.